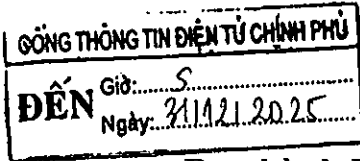


THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, gồm:

- Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục I);
- Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục II);
- Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (Phụ lục III).

2. Quyết định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương có liên quan (gọi chung là bộ, cơ quan trung ương); Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã; các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xã nhóm 1 là xã liền kề đô thị hiện hữu và có định hướng phát triển thành đô thị hoặc xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%, hoặc xã được định hướng là đô thị mới.

2. Xã nhóm 2 là xã không thuộc khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Xã nhóm 3 là xã khu vực II và xã khu vực III thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cấp có thẩm quyền phân định theo quy định.

4. Thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại là thí điểm xây dựng xã có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, thông minh; kinh tế phát triển trên cơ sở chuyển đổi số; môi trường sống an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan trung ương liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và các điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trong thời gian 90 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này, phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương liên quan đơn đốc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Định kỳ 6 tháng và hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên phạm vi cả nước;

b) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương liên quan và các địa phương nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh, bổ sung bộ tiêu chí nêu trên, phù hợp với điều kiện thực tế;

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương liên quan và các địa phương xây dựng quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại và tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Căn cứ hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương liên quan đối với các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể hóa việc áp dụng các nội dung tiêu chí phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm mức yêu cầu không thấp hơn mức chuẩn và hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương;

b) Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định này, chủ động rà soát, xác định cụ thể danh sách, số lượng xã trên địa bàn thuộc xã nhóm 1 hoặc xã nhóm 2, hoặc xã nhóm 3 để ban hành và chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới;

c) Căn cứ điều kiện thực tế, đặc thù của địa phương, điểm b khoản 1 Điều 1 và khoản 4 Điều 2 Quyết định này, chủ động ban hành tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại và chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại ở nơi có điều kiện;

d) Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 1 Quyết định này, hướng dẫn của các bộ, cơ quan trung ương liên quan đối với các điều kiện thuộc Quy định tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 và điều kiện thực tế của địa phương, triển khai thực hiện các điều kiện tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

đ) Trường hợp cần thiết, căn cứ điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương, ban hành tiêu chí thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc (gọi chung là thôn) nông thôn mới, bảo đảm đồng bộ với Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng thôn nông thôn mới trên địa bàn;

e) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp hàng năm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Định kỳ 6 tháng và hằng năm cập nhật, công khai báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh, thành phố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, thành phố.

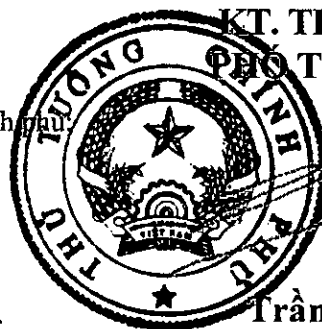
Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2b). 70



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà



Phụ lục I

BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt ¹ , được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị	Có quy hoạch chung xã	
			Bộ Xây dựng hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã			
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Bộ Xây dựng hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với xã nhóm 1 và xã nhóm 2	Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Bộ Xây dựng hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với xã nhóm 1 và xã nhóm 2	Không quy định	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt ≥50%; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	Đường xã đạt tiêu chuẩn đường đô thị, phù hợp với tốc độ đô thị hoá; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ 100%	Đường xã đảm bảo kết cấu hạ tầng kỹ thuật, có các hạng mục cần thiết theo quy định; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt tỷ lệ ≥90%	Đáp ứng chỉ tiêu chung
				Bộ Xây dựng hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		

¹ Quy hoạch phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện bố trí ổn định dân cư (áp dụng đối với xã có nhu cầu cần bố trí, sắp xếp ổn định cho các đối tượng thuộc các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng; hình thức bố trí: tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ).

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 90\%$, có áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với phát triển nông nghiệp đô thị	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 80\%$, có áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm đối với cây trồng chủ lực	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn, tập quán canh tác địa phương
				Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt
				Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	$\geq 99\%$	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$
				Bộ Công Thương hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
3	Phát triển kinh tế nông thôn	2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc có siêu thị hạng 3 trở lên	Có chợ đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc có ít nhất một khu vực kinh doanh đáp ứng yêu cầu đối với các cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ hoặc có siêu thị mini trở lên	Có chợ phù hợp với quy hoạch hoặc có cơ sở bán lẻ khác phù hợp
				Bộ Công Thương hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	Bộ Tài chính hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP theo tiến độ phát triển sản phẩm OCOP về số lượng và chất lượng tăng theo từng năm. Có sản phẩm OCOP 3 sao trở lên; tỷ lệ chủ thể OCOP là hợp tác xã và doanh nghiệp nhỏ và vừa và chủ thể là phụ nữ, người khuyết tật (nếu có) phù hợp. Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	Các điểm du lịch trải nghiệm văn hóa, nông nghiệp, sinh thái đặc trưng (homestay, văn hóa, sinh thái,...) theo quy hoạch được công nhận theo quy định hoặc theo Bộ tiêu chí OCOP. Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	Bộ Tài chính hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01	Không quy định	Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với xã nhóm 2 và xã nhóm 3	
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$
				Hội Nông dân Việt Nam hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Bộ Tài chính hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn theo chức năng quản lý nhà nước; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 27\%$	$\geq 40\%$	$\geq 35\%$	$\geq 27\%$
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	Bộ Nội vụ hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, ưu tiên ứng dụng chuyển đổi số trong triển khai các hoạt động cụ thể; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, ưu tiên ứng dụng chuyển đổi số trong triển khai các hoạt động cụ thể; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Bộ Y tế hướng dẫn, ưu tiên ứng dụng chuyển đổi số trong triển khai các hoạt động cụ thể; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Bộ Y tế hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 2\%$	$\leq 2\%$	$\leq 5\%$	$\leq 13\%$
				Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	$\geq 75\%$	$\geq 95\%$	$\geq 85\%$	$\geq 75\%$
				Bộ Xây dựng hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã, đảm bảo bình quân các xã đạt tỷ lệ $\geq 65\%$ (đối với xã nhóm 1 và xã nhóm 2 phải có tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)		
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an ² ”	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Bộ Nội vụ hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Bộ Y tế hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã, đảm bảo bình quân các xã đạt tỷ lệ $\geq 90\%$ số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp		

² 3 an: an toàn - an tâm - an sinh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	Các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định; không để xảy ra mất an toàn thực phẩm trên địa bàn. Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Bộ Công Thương hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với nhóm xã 1 và xã nhóm 2	Không quy định	
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥01 mô hình	Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với xã nhóm 1 và xã nhóm 2	Không quy định	
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	$\geq 90\%$	Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ³ , làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	Bộ Xây dựng hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã, đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng biện pháp phù hợp đạt $\geq 50\%$ (đối với xã nhóm 1 phải có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp)		
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại của năm trước liền kề năm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Cơ quan được Chính phủ giao thực hiện chức năng kiểm soát thủ tục hành chính hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		

³ Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Yêu cầu đối với từng nhóm xã		
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Bộ Công an hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Bộ Công an hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Bộ Quốc phòng hướng dẫn; UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc áp dụng đối với từng nhóm xã		



Phụ lục II

QUY ĐỊNH KHUNG THÍ ĐIỂM XÂY DỰNG

NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 51/2025 /QĐ-TTg

ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030).

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh, thành phố tại cùng thời điểm.

3. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại, do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định cụ thể, đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo;

b) Có mô hình nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

c) Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn;

d) Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống;

đ) Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn;

e) An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.



Phụ lục III

QUY ĐỊNH TỈNH, THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg

ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

TỈNH, THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 KHI ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN SAU:

1. 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030).
2. Ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt nông thôn mới hiện đại (đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030).
3. Trường hợp cần thiết, xây dựng nông thôn mới ở phường được hình thành từ việc sắp xếp với đơn vị hành chính xã và có diện tích đất nông nghiệp chiếm từ 70% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên của phường tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoặc xây dựng nông thôn mới ở đặc khu: phải đảm bảo đáp ứng từ 70% trở lên số nội dung tiêu chí (trong đó có các nội dung tiêu chí: Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người; có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương; có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương; tỷ lệ nghèo đa chiều; tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; đảm bảo an toàn thực phẩm) yêu cầu đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định cụ thể.
4. Hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, thành phố đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm (trong đó có ít nhất 70% số km đường tỉnh trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường) theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.
5. Có đủ các loại hình thiết chế văn hóa cấp tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
6. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; có ít nhất 80% số trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt từ 50% trở lên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7. Hệ thống y tế cơ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, khám chữa bệnh của người dân theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

8. Có đề án hoặc kế hoạch và chính sách hỗ trợ: phát triển OCOP; phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9. 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước), do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định cụ thể.

10. Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt từ 10%/năm trở lên theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

11. Khu xử lý chất thải rắn tập trung cấp tỉnh đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

12. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt từ 85% trở lên.

13. An ninh, trật tự trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố được bảo đảm theo hướng dẫn của Bộ Công an.